

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2019
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Tứ Hải**

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Trần Văn B do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý nhưng không có tổ chức lễ cưới, chị và anh B

chung sống từ tháng 9 năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 26 tháng 9 năm 2003. Vợ chồng sống chung gia đình cha mẹ chồng tại ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn thường hay cãi vã mất hạnh phúc, anh không quan tâm đến chị. Chị và anh B không còn sống chung từ tháng 6 năm 2019 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn B.

- *Về con chung*: Có hai con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2003 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2008 hiện đang sống với chị L. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 18 tháng 9 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn B trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Thống nhất theo lời trình bày của chị L về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh không thích chị L đi nhậu nên ngày 25 tháng 7 năm 2019 anh và chị L có cãi vã, chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột đến nay. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có hai con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2003 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2008 hiện đang sống với chị L. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 18 tháng 9 năm 2019 cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2003 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2008 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn hai cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: giấy chứng nhận kết hôn bản chính; sổ hộ khẩu bản sao; giấy chứng minh nhân dân bản sao; phiếu dịch vụ chuyển phát nhanh; trích lục khai sinh bản sao; đơn xin xác nhận nơi cư trú; bảng khai ý kiến của cháu Trần Thị Kim N và Trần Thị Thu H bản gốc.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến bản gốc; giấy chứng minh nhân dân bản photo.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Mọi quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc L và anh Trần Văn B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26 tháng 9 năm 2003. Theo lời trình bày của chị L thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn thường hay cãi vã mất hạnh phúc, anh B không quan tâm đến chị. Chị và anh B không còn sống chung từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Theo anh B trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 25 tháng 7 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do anh không thích chị L đi nhậu nên vợ chồng có cãi vã, hiện nay anh chị không còn sống chung. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh không đồng ý nhưng anh không tìm ra được phương pháp để khắc phục hàn gắn. Hôn nhân là sự tự nguyện của hai người nhưng chị L kiên quyết ly hôn với anh B chị cho rằng giữa chị và anh B không còn tình cảm vợ chồng, không thể sống chung có hạnh phúc được.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L yêu cầu ly hôn với anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Anh B yêu cầu được đoàn tụ vì anh thương con muốn vợ chồng đoàn tụ lo cho con, yêu cầu của anh B là không được chấp nhận.

[2] Con chung: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Trần Văn B có hai người con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2003 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2008. Chị L anh B thống nhất thỏa thuận giao hai con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2003 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2008 cho chị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Ngọc L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc L.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Trần Văn B.

[2] Con chung: Giao cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2003 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2008 cho chị Nguyễn Ngọc L nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Ngọc L không yêu cầu anh Trần Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Ngọc L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007595 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị L đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Huỳnh Văn Vui